

Số: 11 /2013/QĐ-UBND

Hưng Yên, ngày 24 tháng 9 năm 2013

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc quy định chức danh, số lượng, mức phụ cấp hàng tháng đối với những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, thôn, khu phố theo Nghị định số 29/2013/NĐ-CP ngày 08/4/2013 của Chính phủ**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03/12/2004;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 92/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; số 29/2013/NĐ-CP ngày 08/4/2013 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 03/2010/TTLT-BNV-BTC-BLĐTB&XH ngày 27/5/2010 của liên Bộ: Nội vụ - Tài chính - Lao động Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị quyết số 11/2013/NQ-HĐND ngày 31/7/2013 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chức danh, số lượng, mức phụ cấp hàng tháng đối với những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, thôn, khu phố theo Nghị định số 29/2013

Xét đề nghị của Sở Nội vụ tại Tờ trình số 381/TTr-SNV ngày 28/8/2013,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1. Quy định chức danh, số lượng và mức phụ cấp hàng tháng đối với những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; thôn, khu phố như sau**

1. Chức danh, số lượng những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; thôn, khu phố

a) Đối với cấp xã

TT	Chức danh và việc bố trí sắp xếp các chức danh	Số lượng người theo phân loại xã, phường, thị trấn			
		Xã trọng điểm phức tạp	Loại 1	Loại 2	Loại 3
1	Chủ tịch Hội Người cao tuổi		1	1	1
2	Chủ tịch Hội Chữ thập đỏ		1	1	1

3	Trưởng Đài truyền thanh		1	1	1
4	Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy		1	1	1
5	Phó Chủ tịch Ủy ban MTTQVN kiêm Trưởng Ban Thanh tra nhân dân		1	1	1
6	Phó Bí thư Đoàn TNCS Hồ Chí Minh kiêm Phó Đài truyền thanh		1	1	1
7	Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ kiêm Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy		1	1	1
8	Phó Chủ tịch Hội Nông dân kiêm Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy		1	1	1
9	Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh kiêm Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy		1	1	1
10	Phó Chỉ huy Trưởng BCH quân sự cấp xã	2	2	1	1
11	Cán bộ Văn phòng Đảng ủy kiêm nhân viên Đài truyền thanh		1	1	1
12	Cán bộ dân số, kế hoạch hoá gia đình và trẻ em		1	1	1
13	Cán bộ chăn nuôi thú y kiêm khuyến nông viên		1	1	1
14	Phó Trưởng công an xã		1	1	1
	Phó Trưởng công an đối với xã loại 1, xã loại 2 và xã trọng điểm phức tạp về an ninh trật tự thuộc xã loại 3 được bố trí thêm 01 người (do công chức Tư pháp - Hộ tịch kiêm nhiệm, hưởng lương chức danh công chức làm việc chức trách nhiệm vụ của Phó Trưởng công an)	Kiểm nhiệm	Kiểm nhiệm	Kiểm nhiệm	0
15	Công an viên thường trực ở các xã trọng điểm phức tạp về an ninh trật tự, mỗi xã 3 người (do Công an viên làm việc ở thôn kiêm Phó Trưởng thôn kiêm nhiệm)	Kiểm nhiệm	0	0	0
16	Trưởng ban Tổ chức Đảng (do Phó Bí thư Đảng ủy hoặc Thường trực Đảng ủy kiêm)		Kiểm nhiệm	Kiểm nhiệm	Kiểm nhiệm
17	Chủ nhiệm UBKT (do Phó Chủ tịch HĐND kiêm)		Kiểm nhiệm	Kiểm nhiệm	Kiểm nhiệm
18	Trưởng khối Dân vận (do Chủ tịch Ủy ban MTTQVN kiêm)		Kiểm nhiệm	Kiểm nhiệm	Kiểm nhiệm
19	Trưởng Ban Tuyên giáo (do Phó Chủ tịch UBND kiêm)		Kiểm nhiệm	Kiểm nhiệm	Kiểm nhiệm
20	Trưởng Ban Thanh tra nhân dân (do Phó Chủ tịch Ủy ban MTTQ kiêm)		Kiểm nhiệm	Kiểm nhiệm	Kiểm nhiệm
21	Ủy viên UBKT Đảng ủy (do Phó Chủ tịch Hội: Phụ nữ, Cựu chiến binh, Nông dân kiêm)		Kiểm nhiệm	Kiểm nhiệm	Kiểm nhiệm
22	Phó Đài truyền thanh (do Phó Bí thư Đoàn xã kiêm)		Kiểm nhiệm	Kiểm nhiệm	Kiểm nhiệm
23	Nhân viên Đài truyền thanh (do cán bộ văn phòng Đảng ủy kiêm)		Kiểm nhiệm	Kiểm nhiệm	Kiểm nhiệm

24	Khuyến nông viên ở xã (do cán bộ chăn nuôi thú y kiêm)		Kiểm nhiệm	Kiểm nhiệm	Kiểm nhiệm
25	Thủ quỹ, Văn thư, Lưu trữ (do công chức Văn phòng – Thống kê kiêm)		Kiểm nhiệm	Kiểm nhiệm	Kiểm nhiệm

b) Đối với thôn, khu phố

TT	Chức danh	Số lượng người theo phân loại thôn, khu phố		
		Loại 1	Loại 2	Loại 3
<b>1</b>	<b>Bí thư Chi bộ, Trưởng thôn, Phó Trưởng thôn, khu phố, công an viên, Thôn đội trưởng, nhân viên y tế.</b>			
1.1	Bí thư Chi bộ thôn, khu phố: (Thôn, khu phố có nhiều chi bộ bố trí theo thực tế)	1	1	1
1.2	Trưởng thôn, khu phố	1	1	1
1.3	Phó Trưởng thôn: Mỗi thôn 1 người do công an viên xã làm việc ở thôn kiêm nhiệm	Kiểm nhiệm	Kiểm nhiệm	Kiểm nhiệm
	Đối với thôn loại 1: Mỗi thôn được bố trí thêm 1 người	1	0	0
1.4	Công an viên làm việc ở thôn kiêm Phó Trưởng thôn, mỗi thôn bố trí 1 người	1	1	1
	Đối với thôn loại 1 và thôn loại 2 được bố trí thêm 01 người do Bí thư Chi đoàn thôn kiêm nhiệm	Kiểm nhiệm	Kiểm nhiệm	0
1.5	Thôn đội trưởng mỗi thôn có 01 người do Tiểu đội trưởng dân quân tự vệ kiêm nhiệm	Kiểm nhiệm	Kiểm nhiệm	Kiểm nhiệm
1.6	Nhân viên y tế thôn (theo Quyết định số 75/2009/QĐ-TTg)	2	1	1
<b>2</b>	<b>Bảo vệ dân phố theo Nghị định số 38/2006/NĐ-CP (các phường thuộc thành phố Hưng Yên)</b>			
2.1	Trưởng Ban Bảo vệ dân phố	1	1	1
2.2	Phó trưởng Ban Bảo vệ dân phố	1	1	1
2.3	Tổ trưởng Bảo vệ dân phố	1	1	1
2.4	Tổ viên Bảo vệ dân phố	2	2	2

2. Mức phụ cấp các chức danh, phụ cấp kiêm nhiệm chức danh không chuyên trách ở cấp xã, thôn, khu phố

a) Đối với cấp xã

TT	Chức danh	Mức phụ cấp	Phụ cấp kiêm nhiệm
1	Chủ tịch Hội Người cao tuổi	0.9	
2	Chủ tịch Hội Chữ thập đỏ	0.9	
3	Trưởng Đài truyền thanh	1.0	
4	Phó Chủ nhiệm Ủy ban kiểm tra Đảng ủy	1.2	
5	Phó Chủ tịch Ủy ban MTTQ Việt Nam	0.8	
6	Phó Bí thư Đoàn TNCS Hồ Chí Minh	0.8	
7	Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ	0.8	

8	Phó Chủ tịch Hội Nông dân	0.8	
9	Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh	0.8	
10	Cán bộ Văn phòng Đảng uỷ	1.1	
11	Cán bộ dân số, kế hoạch hoá gia đình và trẻ em	1.1	
12	Cán bộ chăn nuôi thú y	1.1	
13	Phó Chỉ huy Ban Chỉ huy quân sự	1.3	
14	Phó Trưởng công an	1.3	
	Phó Trưởng công an do công chức Tư pháp - Hộ tịch kiêm nhiệm, hưởng lương chức danh công chức, làm việc chức trách nhiệm vụ của Phó Trưởng công an.	Hưởng lương công chức	Không hưởng phụ cấp kiêm nhiệm
15	Công an viên thường trực ở các xã trọng điểm phức tạp về an ninh trật tự, mỗi xã 3 người ( <i>kiêm nhiệm</i> )		0.3
16	Trưởng Ban Tổ chức Đảng ( <i>kiêm nhiệm</i> )		0.3
17	Chủ nhiệm UBKT ( <i>kiêm nhiệm</i> )		0.3
18	Trưởng khối Dân vận ( <i>kiêm nhiệm</i> )		0.3
19	Trưởng Ban Tuyên giáo ( <i>kiêm nhiệm</i> )		0.3
20	Trưởng Ban Thanh tra nhân dân ( <i>kiêm nhiệm</i> )		0.3
21	Ủy viên UBKT Đảng uỷ ( <i>kiêm nhiệm</i> )		0.3
22	Phó Đài truyền thanh ( <i>kiêm nhiệm</i> )		0.3
23	Nhân viên Đài truyền thanh ( <i>kiêm nhiệm</i> )		0.3
24	Khuyến nông viên ở xã ( <i>kiêm nhiệm</i> )		0.3
25	Thủ quỹ, Văn thư, Lưu trữ ( <i>kiêm nhiệm</i> )		0.3

b) Đối với thôn, khu phố

TT	Chức danh	Mức phụ cấp	Phụ cấp kiêm nhiệm
<b>1</b>	<b>Bí thư Chi bộ, Trưởng thôn, Phó Trưởng thôn, khu phố, công an viên, Thôn đội trưởng.</b>		
1.1	Bí thư Chi bộ thôn, khu phố: - Đối với thôn, khu phố loại 1: - Đối với thôn, khu phố loại 2: - Đối với thôn, khu phố loại 3: - Đối với thôn, khu phố có nhiều chi bộ:	1.3 1.2 1.1 1.0	
1.2	Trưởng thôn, khu phố: - Đối với thôn, khu phố loại 1: - Đối với thôn, khu phố loại 2: - Đối với thôn, khu phố loại 3:	1.3 1.2 1.1	
1.3	Phó Trưởng thôn, khu phố loại 1 không bố trí kiêm nhiệm	1.0	
	Phó thôn, khu phố loại 1, loại 2, loại 3 mỗi thôn 1 người do Công an viên xã làm việc ở thôn kiêm nhiệm		0.3
1.4	Công an viên làm việc ở thôn	0.9	
	Công an viên thôn loại 1 và thôn loại 2 được bố trí thêm 01 người do Bí thư Chi đoàn thôn kiêm nhiệm		0.3
1.5	Thôn đội trưởng mỗi thôn có 01 người do Tiểu đội trưởng dân quân tự vệ kiêm nhiệm		0.3

1.6	Nhân viên Y tế thôn (theo Quyết định số 75/2009/QĐ-TTg)	0.3	
2	Bảo vệ dân phố theo Nghị định số 38/2006/NĐ-CP (các phường thuộc thành phố Hưng Yên)		
2.1	Trưởng Ban Bảo vệ dân phố	0.7	
2.2	Phó Trưởng Ban Bảo vệ dân phố	0.6	
2.3	Tổ trưởng Bảo vệ dân phố	0.55	
2.4	Tổ viên Bảo vệ dân phố	0.5	

#### c) Phụ cấp kiêm nhiệm

Cán bộ, công chức cấp xã và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, thôn, khu phố được bố trí kiêm nhiệm chức danh không chuyên trách theo quy định tại Khoản 1, Điều 1 Quyết định này được hưởng phụ cấp kiêm nhiệm 0.3 mức lương cơ sở cho mỗi chức danh kiêm nhiệm.

#### 3. Khuyến khích người có bằng Đại học

Khuyến khích những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; thôn, khu phố có bằng tốt nghiệp Đại học được cộng thêm 0,25 hệ số lương cơ sở vào mức phụ cấp hiện hưởng. Riêng những người làm công tác chuyên môn thì phải có bằng tốt nghiệp Đại học đúng chuyên ngành, phù hợp với chức danh đảm nhiệm.

#### 4. Những quy định khác

a) Những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; thôn, khu phố được hỗ trợ mức đóng bảo hiểm y tế với mức 3% hệ số mức lương cơ sở.

b) Đối với các thôn đã bầu cử Phó Trưởng thôn chưa hết nhiệm kỳ thì tiếp tục thực hiện nhiệm vụ Phó Trưởng thôn và hưởng phụ cấp: Thôn loại 1, loại 2 hệ số 1.0; thôn loại 3 hệ số 0.9 cho đến hết nhiệm kỳ hiện tại. Từ nhiệm kỳ tiếp theo bố trí Công an viên xã làm việc ở thôn kiêm nhiệm Phó Trưởng thôn.

c) Ở các xã, phường, thị trấn có phó đoàn thể không là đảng viên và các phường của thành phố Hưng Yên không có Hội Nông dân thì bố trí cấp trưởng các đoàn thể kiêm Ủy viên Ủy ban kiểm tra Đảng ủy.

#### **Điều 2. Nguồn kinh phí và thời gian thực hiện**

- Mức phụ cấp hàng tháng, phụ cấp kiêm nhiệm đối với những người hoạt động không chuyên trách cấp xã; thôn, khu phố được thực hiện kể từ ngày 01/10/2013; được cân đối trong dự toán thu, chi ngân sách xã, phường, thị trấn hàng năm.

- Mức phụ cấp hàng tháng và phụ cấp kiêm nhiệm của của những người hoạt động không chuyên trách cấp xã; thôn, khu phố được thực hiện theo hệ số mức lương cơ sở của Nhà nước quy định; mức lương cơ sở thay đổi thì mức phụ cấp được điều chỉnh theo thời gian tương ứng.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 22/2010/QĐ-UBND ngày 23/11/2010 của UBND tỉnh về quy định số lượng, chức danh và điều chỉnh mức phụ cấp đối với những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn và cán bộ thôn, khu phố; Quyết định số

2440/QĐ-UBND ngày 02/12/2009 của UBND tỉnh về việc phê duyệt số đối tượng cán bộ y tế được hưởng trợ cấp theo Quyết định số 75/QĐ-TTg ngày 11/5/2009 của Thủ tướng Chính phủ; Quyết định số 03/2004/QĐ-UB ngày 06/01/2004 của UBND tỉnh về việc thực hiện Đề án khuyến nông và chế độ phụ cấp khuyến nông viên ở cơ sở; Quyết định số 04/2011/QĐ-UBND ngày 09/3/2011 của UBND tỉnh về việc quy định mức phụ cấp hàng tháng cho cán bộ chăn nuôi, thú y xã, phường, thị trấn thuộc tỉnh Hưng Yên.

Các ông (bà): Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở, ngành: Nội vụ, Tài chính, Kho bạc nhà nước tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh và các cơ quan liên quan; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

**Nơi nhận:**

- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- BTT MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Lãnh đạo VP;
- Như Điều 3;
- TT Tin học và Công báo;
- CV: Nội chính<sup>Hào</sup>;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH  
CHỦ TỊCH**



**Doãn Thế Cường**